

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 2660
	Ngày: 04.10.18
	Chuyên:

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội tháng 4,
nhiệm vụ trọng tâm tháng 5 năm 2018 của tỉnh Quảng Ngãi

I. Hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh

1. Các hoạt động nổi bật của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh

Trong tháng, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo chương trình công tác; xử lý, giải quyết công việc thường xuyên và kịp thời chỉ đạo các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh, đi cơ sở và kiểm tra thực tế, tham dự các cuộc họp, hội nghị; trong đó, có các nội dung nổi bật sau: Đánh giá tình hình thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trong quý I năm 2018 và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian đến; thẩm định dự án Quy hoạch phát triển cơ sở kinh doanh khí và Quy hoạch mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu, kho xăng dầu trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035; cho ý kiến các nội dung dự kiến trình HĐND tỉnh khóa XII tại kỳ họp thứ 9, các vấn đề liên quan đến Nhà máy xi măng Đại Việt - Dung Quất và việc di dời Nhà máy mỳ Tịnh Phong ra khỏi mặt bằng quy hoạch dự án Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi; việc phân khai kinh phí sự nghiệp đối ứng ngân sách tỉnh hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tại các huyện miền núi năm 2018; thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận huyện Nghĩa Hành đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2017;...

Bên cạnh đó, lãnh đạo UBND tỉnh đã đi kiểm tra thực tế tại một số địa phương, trực tiếp nắm tình hình, tháo gỡ các khó khăn nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; chủ trì, tham dự và phát biểu chỉ đạo tại một số Hội nghị quan trọng như: Hội nghị phân tích, đánh giá kết quả PCI năm 2017, giải pháp năm 2018 và triển khai Bộ chỉ số DDCI tỉnh Quảng Ngãi; Hội nghị kết nối tiêu thụ dưa hấu và một số nông sản có thế mạnh của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành

- Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 ban hành Quy định về Quy trình chuyển đổi mô hình kinh doanh, khai thác và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 ban hành Quy chế phối hợp trong việc lập hồ sơ và tổ chức cai nghiện ma túy đối với người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 phê duyệt Đề án hỗ trợ thực hiện chính sách xã hội cho đối tượng lang thang, xin ăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.

II. Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh tháng 4 năm 2018.

1. Lĩnh vực kinh tế

a) Sản xuất công nghiệp, đầu tư và xây dựng

- Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 9.871,5 tỷ đồng¹, tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2017. Lũy kế 4 tháng đầu năm, giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 38.582,3 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước, nếu không tính sản phẩm lọc hóa dầu thì tăng 17,3%. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt 31.669,7 tỷ đồng, tăng 1,1%; kinh tế ngoài nhà nước đạt 5.052,8 tỷ đồng, tăng 6,5% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.859,7 tỷ đồng, tăng 80,9%. Một số sản phẩm tăng khá so với cùng kỳ 2017 như: Thủy sản tăng 10,5%; đường RS tăng 7,9%; quần áo may sẵn tăng 17,3%; dăm gỗ nguyên liệu giấy tăng 27,7%; riêng sản phẩm lọc hóa dầu đạt 2,3 triệu tấn, tăng 1,0%...

- Đầu tư và xây dựng: Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển của tỉnh năm 2018 là 4.259,585 tỷ đồng². Đến nay, đã phân khai hết kế hoạch vốn 2018 để các đơn vị triển khai thực hiện; cụ thể: Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 2.705,450 tỷ đồng³; nguồn vốn ngân sách Trung ương: 1.554,135 tỷ đồng; bao gồm: (1) Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg là 128,224 tỷ đồng; (2) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là 327,611 tỷ đồng (phần vốn đầu tư phát triển); (3) Vốn Chương trình mục tiêu là 318 tỷ đồng; (4) Vốn trái phiếu Chính phủ là 550 tỷ đồng; (5) Nguồn vốn ODA là 230,3 tỷ đồng. Đến ngày 15/4/2018, tổng giá trị giải ngân là 902,602 tỷ đồng, bằng 21% kế hoạch năm; cụ thể: Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giải ngân 725,555 tỷ đồng, bằng 27% kế hoạch giao; nguồn vốn ngân sách Trung ương giải ngân là 177,047 tỷ đồng, bằng 11% kế hoạch giao.

b) Sản xuất nông nghiệp

Hoạt động sản xuất nông nghiệp tập trung vào thu hoạch lúa Đông - Xuân, sắn, ngô, rau đậu và mía. Tính đến ngày 15/4, trà lúa sớm đã thu hoạch được 10.832,1 ha, năng suất ước chung cả vụ đạt 59,3 tạ/ha, giảm 0,2 tạ/ha so với vụ Đông - Xuân năm 2017. Chăn nuôi chưa có sự chuyển biến tích cực do giá thịt lợn hơi vẫn duy trì ở mức thấp; nuôi bò khá ổn định; nuôi trâu có xu hướng phát triển; nuôi gà phát triển mạnh nhờ thị trường tiêu thụ ổn định, người tiêu dùng có xu hướng thay thế thịt lợn bằng thịt gà. Tính từ đầu năm đến giữa tháng 4, bệnh cúm gia cầm xảy ra tại 01 hộ nuôi làm chết và buộc tiêu hủy 700 con vịt; bệnh lở mồm long móng gia súc xảy ra tại 84 hộ nuôi với tổng số trâu bò mắc bệnh 149 con.

Trong tháng 4, diện tích rừng trồng tập trung ước đạt 326 ha, tăng 3,2% so với cùng tháng năm 2017; lũy kế 4 tháng, ước đạt 4.211 ha rừng⁴, tăng 3,5%. Tính từ đầu năm đến giữa tháng 4/2018, toàn tỉnh không xảy ra cháy rừng; phát

¹ Theo giá CĐ 2010.

² Không bao gồm 155 tỷ đồng vốn bội chi ngân sách địa phương.

³ Bao gồm 600 tỷ đồng từ nguồn thu sử dụng đất và 70 tỷ đồng vốn xổ số kiến thiết.

⁴ Chủ yếu là rừng keo nguyên liệu giấy.

hiện 112 vụ vi phạm quy định quản lý bảo vệ rừng; trong đó, phát hiện 9 vụ phá rừng trái phép, tăng 3 vụ so với cùng kỳ năm 2017.

Sản lượng thủy sản ước đạt 21.011,4 tấn, tăng 2,8% so với tháng 4/2017. Ước tính 4 tháng, sản lượng thủy sản đạt 56.368,2 tấn, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2017⁵; trong đó: sản lượng khai thác ước đạt 55.123 tấn, tăng 2,1%; sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 1.245,2 tấn, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2017.

c) Thương mại và dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 4.142,1 tỷ đồng, tăng 1,79% so với tháng trước và tăng 9,87% so với tháng cùng kỳ 2017. Lũy kế 4 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 16.405,2 tỷ đồng, tăng 9,22% so với cùng kỳ 2017.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 0,24% so với tháng trước, tăng 3,34% so với tháng 4/2017, tăng 0,56% so với tháng 12/2017; CPI bình quân 4 tháng đầu năm tăng 3,07% so với cùng kỳ năm 2017.

Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 34,6 triệu USD, giảm 43,56% so với tháng trước, tăng 11,1% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 4 tháng đầu năm ước đạt 165,6 triệu USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước và đạt 36,8% kế hoạch năm.

Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 26,6 triệu USD, giảm 36,97% so với tháng trước, giảm 59,7% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 4 tháng đầu năm ước đạt 154,7 triệu USD, giảm 31,7% so với cùng kỳ năm trước, bằng 16,5% kế hoạch năm.

Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt): Doanh thu vận tải và các hoạt động dịch vụ vận tải ước đạt 255,7 tỷ đồng, tăng 3,91% so với tháng trước và tăng 14,34% so với cùng kỳ năm 2017. Lũy kế 4 tháng đầu năm ước đạt 967,5 tỷ đồng, tăng 9,10% so với cùng kỳ năm 2017.

d) Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 1.202 tỷ đồng, trong đó, thu nội địa ước đạt 1.112 tỷ đồng, thu hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 90 tỷ đồng. Lũy kế 4 tháng, ước đạt 5.291 tỷ đồng, bằng 98,8% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 36,1% dự toán năm; trong đó, thu nội địa đạt 4.945 tỷ đồng bằng 95,7% so với cùng kỳ năm trước và đạt 35,4% dự toán năm, thu hoạt động xuất nhập khẩu 347 tỷ đồng, tăng 83,6% so với cùng kỳ năm trước và đạt 51,8% dự toán năm. Trong tổng thu nội địa, nguồn thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất khoảng 3.287 tỷ đồng, bằng 89,8% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 37,2% dự toán năm; các khoản thu còn lại trừ dầu khoảng 1.658 tỷ đồng, bằng 109,9% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 32,3% dự toán năm.

Tổng chi ngân sách địa phương khoảng 913 tỷ đồng; trong đó, chi đầu tư phát triển 249 tỷ đồng, chi thường xuyên 664 tỷ đồng. Lũy kế 4 tháng, tổng chi

⁵ Số liệu điều chỉnh theo kết quả rà soát điều tra.

ngân sách địa phương khoảng 2.729 tỷ đồng, tăng 198,2% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 22,4% dự toán năm; trong đó, chi đầu tư phát triển 796 tỷ đồng, tăng 382,9% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 26,2% dự toán năm, chi thường xuyên 1.931 tỷ đồng, tăng 137,5% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 24,2% dự toán năm.

đ) Thu hút đầu tư và quản lý doanh nghiệp

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI): Trong 4 tháng đầu năm 2018, chưa cấp mới, điều chỉnh hay thu hồi dự án FDI nào⁶; vốn thực hiện của các dự án FDI ước đạt 07 triệu USD, bằng 47% so với cùng kỳ năm 2017.

Tình hình đầu tư trong nước: Trong 4 tháng đầu năm, toàn tỉnh có 36 dự án được cấp chủ trương đầu tư với tổng vốn đăng ký 1.968 tỷ đồng; điều chỉnh 04 dự án và thu hồi 01 dự án⁷. Lũy kế đến tháng 4/2018, toàn tỉnh có 500 dự án⁸ đầu tư trong nước còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 228.656 tỷ đồng.

Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong tháng tính đến ngày 20/4/2018 là 45 doanh nghiệp⁹, giảm 22% so với cùng kỳ năm 2017; vốn đăng ký 321,6 tỷ đồng, giảm 1,85 lần so với cùng năm 2017; vốn đăng ký bình quân/doanh nghiệp: 7,14 tỷ đồng/1 doanh nghiệp. Có 15 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, 06 doanh nghiệp giải thể tự nguyện.

e) Tài nguyên môi trường

Tăng cường công tác kiểm soát việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư không đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm; giám sát chặt chẽ hoạt động của các nhà máy có xả thải ra môi trường. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ngãi. Ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; bổ sung, điều chỉnh bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019).

f) Chương trình xây dựng nông thôn mới

Tính đến tháng 4/2018, toàn tỉnh có 41 xã đạt chuẩn nông thôn mới. So với bình quân chung của cả nước thì kết quả xây dựng nông thôn mới của tỉnh vẫn còn thấp. Hiện cả tỉnh chỉ có 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong khi bình quân cả nước là 35,4%. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định để xem xét, đánh giá công nhận huyện Nghĩa Hành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017. Triển khai nội dung Sổ tay phát triển sản xuất trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020. Phân bổ kế hoạch vốn

⁶ Tính đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh có 48 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 1.419 triệu USD. Trong đó, có 27 dự án hoàn thành đi vào sản xuất kinh doanh, 19 dự án đang triển khai các hoạt động đầu tư, 02 dự án⁶ tạm dừng hoạt động.

⁷ Dự án Trang trại chăn nuôi gia súc chất lượng cao Sông Trà (đầu tư tại huyện Tư Nghĩa).

⁸ Trong KKT Dung Quất: 131 dự án, tổng vốn đăng ký 180.449 tỷ đồng; trong các KCN tỉnh: 94 dự án, tổng vốn đăng ký 5.645 tỷ đồng; ngoài các Khu: 275 dự án, tổng vốn đăng ký 42.562 tỷ đồng

⁹ Trong đó, 13 công ty TNHH 2 thành viên trở lên, 28 công ty TNHH MTV, 04 công ty cổ phần và 08 chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký thành lập mới.

đầu tư ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2018 với tổng vốn đầu tư 394,2 tỷ đồng.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Tập trung triển khai và chuẩn bị các điều kiện để áp dụng chương trình, sách giáo khoa mới trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thanh tra việc quản lý, chỉ đạo thực hiện quy chế chuyên môn, tài chính, cơ sở vật chất tại một số trường, việc thực hiện tiến độ chương trình năm học 2017-2018, dạy thêm, học thêm trong nhà trường tại các trường THPT. Thành lập 03 Đoàn kiểm tra liên ngành công tác thi tuyển giáo viên năm học 2017-2018 của tỉnh (*theo Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của UBND tỉnh*). Chuẩn bị tổng kết năm học 2017-2018, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2018-2019; hướng dẫn kiểm tra học kỳ II và ôn tập, thi THPT quốc gia năm 2018. Công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS được chú trọng, thực hiện công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông giúp học sinh xác định nghề nghiệp phù hợp với năng lực. Trong tháng, tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đổng tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XII-2018; Ngày hội học sinh tiểu học cấp tỉnh tại thành phố Quảng Ngãi; thi giáo viên dạy giỏi THPT cấp tỉnh; công bố kết quả kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh năm học 2017-2018.

b) Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Ngành y tế tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh. Tổ chức hướng dẫn các đơn vị khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo gói dịch vụ cơ bản, ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh. Tập trung triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm; thường xuyên kiểm tra, giám sát các cơ sở kinh doanh thực phẩm¹⁰. Triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” và kế hoạch phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Quảng Ngãi năm 2018.

c) Lao động - Thương binh và Xã hội

Lĩnh vực an sinh, phúc lợi xã hội tiếp tục được quan tâm. Các chế độ, chính sách ưu đãi đối với gia đình chính sách, người có công được triển khai đồng bộ. Trong tháng, giải quyết 398 trường hợp được hưởng trợ cấp ưu đãi người có công, 181 người hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định. Đồng thời, ban hành Kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2018 (*tại Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh*).

Về lao động, trong 04 tháng đầu năm, toàn tỉnh giải quyết tạo việc làm cho khoảng 14.422 lao động, ước đạt 36,1% kế hoạch năm. Tổ chức 8 phiên giao dịch việc làm, qua đó đã tuyển dụng 1.600 lao động làm việc; phối hợp và tổ chức lễ ký kết đặt hàng đào tạo và cung ứng gần 16.000 nhân lực cho 05 doanh nghiệp tại Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; tư vấn, tuyển chọn lao động tham gia xuất khẩu lao động cho trên 422 người. Hướng

¹⁰ Đã kiểm tra 4.727 cơ sở kinh doanh thực phẩm, trong đó, có 4.137 cơ sở đạt (chiếm tỷ lệ 87,5%).

dẫn việc thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn và đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự năm 2018; tổ chức Hội thi tay nghề tỉnh Quảng Ngãi lần thứ II - Năm 2018.

d) Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tập trung tuyên truyền, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện quan trọng của đất nước. Các hoạt động thể dục, thể thao cũng được tổ chức sôi nổi, rộng khắp. Toàn tỉnh đang tổ chức Đại hội Thể dục thể thao cấp huyện, tiến tới tổ chức Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh và chuẩn bị tham gia Đại hội thể dục thể thao toàn quốc,...

Lĩnh vực du lịch có nhiều khởi sắc, nhất là trong dịp lễ 30/4 và 01/5. Trong 4 tháng đầu năm 2018, lượng khách đến tham quan tại Quảng Ngãi tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước (ước đạt 294.000 lượt người¹¹, tăng 16%). Tỉnh cũng đã hoàn chỉnh kế hoạch phát triển mô hình du lịch cộng đồng tại 04 huyện: Lý Sơn, Bình Sơn, Ba Tơ và Nghĩa Hành.

đ) Thông tin, truyền thông và Phát thanh, truyền hình

Tập trung tuyên truyền các ngày lễ lớn, sự kiện quan trọng của đất nước; các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của tỉnh; các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa II; tuyên truyền cải cách hành chính năm 2018... Tiếp tục triển khai Hệ thống phần mềm một cửa điện tử tại Trung tâm hành chính công tỉnh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và triển khai tiếp nhận Hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua đường bưu chính.

e) Khoa học và Công nghệ

Tiếp tục theo dõi, quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyển tiếp từ năm 2017 sang và các nhiệm vụ bắt đầu thực hiện năm 2018. Tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện và nghiệm thu kết quả đối với các đề tài, dự án. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ, tiêu chuẩn, đo lường chất lượng. Các chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp đã hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tạo được hiệu quả trong việc nâng cao công suất, sản lượng, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm của doanh nghiệp.

3. Lĩnh vực nội chính, đối ngoại và quốc phòng an ninh

a) Công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo

Tính chung 4 tháng đầu năm, đã thực hiện 355 cuộc thanh tra, kiểm tra hành chính và chuyên ngành¹², phát hiện 272 đơn vị có sai phạm. Các cơ quan hành chính và lãnh đạo tỉnh đã tiếp 1.074/1.242 lượt người của 1.029 vụ việc, trong đó, có 08 lượt đoàn đông người của 03 vụ việc. Tiếp nhận và xử lý 1.985

¹¹ Có khách quốc tế ước đạt 21.700 lượt, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2017 và đạt 32 % so với kế hoạch.

¹² Trong đó, 38 cuộc thanh tra hành chính tại 129 đơn vị.

đơn thư các loại. Đã phát hiện 01 vụ việc¹³ có dấu hiệu tham nhũng, đã chuyển cơ quan điều tra xem xét. Ban hành Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 12/4/2018 thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 01/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

b) Công tác tư pháp

Công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật được triển khai thực hiện thường xuyên và chú trọng nâng cao chất lượng thẩm định. Công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật tổ chức triển khai thực hiện tốt, đảm bảo đúng kế hoạch với chất lượng ngày càng đi vào chiều sâu. Công tác hành chính tư pháp tiếp tục đạt kết quả tích cực, đã giải quyết một lượng lớn yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của người dân; thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực tư pháp kịp thời phát hiện ra những sai phạm, kiến nghị biện pháp xử lý, chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả công tác tư pháp tại cơ sở. Thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

c) Công tác Nội vụ

Thực hiện giao quyết định biên chế sự nghiệp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, ban hành Kế hoạch phát động phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020 (tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh) và Chương trình thực hiện Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (tại Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 24/04/2018 của UBND tỉnh).

d) Công tác Ngoại vụ

Công tác đối ngoại được triển khai thực hiện tốt theo kế hoạch đã đề ra. Trong tháng, tổ chức xúc tiến, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài đạt hơn 02 tỷ đồng, nâng tổng giá trị viện trợ phi chính phủ nước ngoài trong 4 tháng đầu năm 2018 đạt hơn 57 tỷ đồng. Đồng thời, thực hiện tốt công tác bảo hộ ngư dân, tàu thuyền trên địa bàn tỉnh và các hoạt động hữu nghị hợp tác theo kế hoạch năm 2018.

đ) Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững, ổn định. Tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp và nhân dân địa phương nâng cao ý thức và nghiêm túc chấp hành các quy định của Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; tăng cường tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát và xử lý kiên quyết các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông. Tính đến ngày 16/4/2018, toàn tỉnh xảy ra 142 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 54 người và bị thương 61 người.

Tóm lại: *Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong tháng 4/2018 đạt nhiều*

¹³ Bà Hồ Thị Thu Nga - Thủ quỹ UBND xã Bình Tân, huyện Bình Sơn, có dấu hiệu lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ để vụ lợi số tiền 429.280.180 đồng.

kết quả khả quan như: Giá trị sản xuất công nghiệp tăng, sản lượng khai thác thủy sản tăng; doanh thu vận tải, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng; kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ 2017; thu hút đầu tư trong nước tăng khá. Tình hình xúc tiến và thu hút đầu tư đạt kết quả tốt và có nhiều tín hiệu tích cực.

Các lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao; thông tin, truyền truyền, y tế, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ được triển khai thực hiện hiệu quả, kịp thời. Công tác chăm lo cho đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa và đối tượng gặp khó khăn được các ngành, các cấp chú trọng và triển khai thực hiện sớm, mang lại hiệu quả và ý nghĩa thiết thực. Công tác kiểm tra, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh và khám chữa bệnh cho nhân dân được chủ động chuẩn bị và thực hiện tốt. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính. Quốc phòng, an ninh chính trị, xã hội được giữ vững, an toàn trật tự được đảm bảo.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế - xã hội của tỉnh cũng gặp những khó khăn, thách thức như: Tình hình thu hút các dự án FDI chậm; tình hình tiêu thụ một số loại nông sản gặp khó khăn, giá cả xuống thấp do dư thừa sản lượng; tai nạn giao thông vẫn còn ở mức cao,...

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC TRONG THÁNG 5 NĂM 2018

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ công tác tháng 5/2018, cần tiếp tục bám sát và triển khai thực hiện kịp thời chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018; các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 về Chương trình công tác năm 2018 của UBND tỉnh, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Khẩn trương chuẩn bị các nội dung trình HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp giữa năm.

2. Nghiêm túc phối hợp thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm hành chính công theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 của UBND tỉnh.

3. Tổng kết đánh giá tình hình sản xuất vụ Đông - Xuân; tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Hè - Thu 2018. Tăng cường các biện pháp phòng, chống hạn, đảm bảo nguồn nước tưới phục vụ sản xuất cho vụ Hè - Thu, kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng trong mùa khô.

4. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2018. Chuẩn bị triển khai xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội, đầu tư phát triển năm 2019.

5. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018. Đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh như:

Giải phóng mặt bằng, tái định cư, tạo quỹ đất sạch phục vụ Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, cầu Cửa Đại, cầu Thạch Bích, cảng Bến Đình, Vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn, dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP và các dự án công nghiệp trọng điểm khác...

6. Tích cực, tập trung thực hiện có hiệu quả chủ trương của Chính phủ, của tỉnh về đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ, Chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đã được UBND tỉnh chỉ đạo và giao nhiệm vụ cụ thể tại Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 28/7/2017; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 22/02/2018; quyết tâm tạo môi trường đầu tư lành mạnh, bình đẳng.

7. Tổ chức tổng kết năm học 2017 - 2018 và triển khai công tác hè. Chỉ đạo công tác chuẩn bị và tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2018.

8. Thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn giao thông, phục vụ vận chuyển hành khách trên địa bàn tỉnh.

9. Triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW, 20-NQ/TW, 21-NQ/TW Ban Chấp hành TW 6 khóa XII.

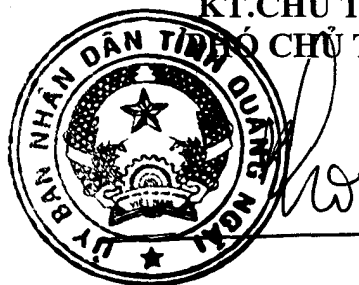
Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tháng 4 và nhiệm vụ trọng tâm tháng 5 năm 2018 của tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: PCVP, các P.Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, P.THptth70.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẢNG NGÃI



Phạm Trường Thọ



BỘ TỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU THÁNG 4 NĂM 2018

(Theo Quyết định số 82 /BC-UBND, ngày 02 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Ước TH tháng 4/2018	Lũy kế 4 tháng đầu năm 2018	% TH so với tháng trước	% TH so với cùng kỳ 2017	% TH lũy kế so với cùng kỳ 2017	% TH lũy kế 4 tháng so với KH năm 2018
1. Nông nghiệp								
- Tổng diện tích lúa Đông Xuân	Ha	38.000	38.423				99,0	101,1
2. Ngư nghiệp								
- Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	170.000-180.000	21.011,4	56.368,2	138,3	102,8	102,3	32,2
3. Công nghiệp								
* Tổng giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010)	Tỷ đồng	111.488	9.871,5	38.582,3	97,5	103,4	104,0	34,6
<i>* Một số sản phẩm chủ yếu:</i>								
- Thủy sản chế biến	Tấn	11.900	880	3.702	101,7	101,4	110,5	31,1
- Đường RS (Trên địa bàn tỉnh)	Tấn	11.312	5.142	11.725	100,4	166,1	107,9	103,7
- Bia	1.000 lít	170.000	14.474	55.710	108,9	100,3	98,0	32,8
- Quần áo may sẵn	1.000 sp	16.500	990	4.532	111,6	100,3	117,3	27,5
- Bánh kẹo các loại	Tấn	16.500	980	4.632	101,9	98,3	98,5	28,1
- Sữa các loại (trên địa bàn tỉnh)	1.000 lít	104.000	11.000	26.024	202,9	105,9	93,7	25,0
- Nước khoáng & nước tinh khiết	1.000 lít	80.000	6.550	24.569	103,5	108,0	104,0	30,7
- Đá xây dựng các loại	1.000 m3	1.500	126	384	115,6	110,0	104,1	25,6
- Lọc hóa dầu	1000 tấn	6.500	595	2.327	95,5	99,8	101,0	35,8
- Phân bón hóa học	Tấn	33.000	2.040	11.567	78,8	103,1	101,3	35,1
- Gạch xây các loại	1.000 viên	477.000	30.020	98.888	102,2	100,1	102,8	20,7
- Tinh bột mì (Trên địa bàn tỉnh)	Tấn	58.000	1.000	17.491	16,5	24,5	76,8	30,2
- Dăm bột giấy	Tấn	670.000	59.693	244.887	88,0	107,2	127,7	36,6
4. Thương mại								
- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ	Tỷ đồng	51.000	4.142,1	16.405,2	101,8	109,9	109,2	32,2
- Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	450	34,58	165,62	56,4	111,1	115,8	36,8
<i>* Mặt hàng XK chủ yếu</i>								
+ Thủy sản	"	17	1,218	4,734	102,3	81,9	79,7	27,8
+ Tinh bột mì	"	70	11,680	29,788	127,4	196,2	108,0	42,6
+ Đồ gỗ	"	4	0,373	1,769	85,4	109,7	107,0	44,2
+ Dăm gỗ nguyên liệu giấy	"	110	7,382	27,382	117,3	69,6	67,4	24,9
+ May mặc	"	21	1,290	4,665	106,5	73,0	73,9	22,2
+ Thực phẩm chế biến khác	"	9	0,630	3,009	73,0	70,0	145,9	33,4
+ Sản phẩm cơ khí	"	100	-	38,278	-	-	252,9	38,3
+ Dầu FO	"	30	4,791	22,431	71,3	118,4	105,8	74,8
+ Sợi, sợi dệt các loại	"	50	4,905	17,327	85,0	136,1	123,1	34,7
+ Điện tử các loại và linh kiện	"	14	0,564	2,801	57,4	59,4	79,3	20,0
+ Giày dép các loại	"	23	1,293	11,682	32,6	89,9	239,0	50,8
+ Hàng hoá khác	"	2	0,453	1,754	44,2	1.258,3	4.872,2	87,7
- Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	940	26,57	154,67	63,0	40,3	68,3	16,5
<i>* Mặt hàng NK chủ yếu</i>	"							

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Ước TH tháng 4/2018	Lũy kế 4 tháng đầu năm 2018	% TH so với tháng trước	% TH so với cùng kỳ 2017	% TH lũy kế so với cùng kỳ 2017	% TH lũy kế 4 tháng so với KH năm 2018
+ Máy móc, phụ tùng thay thế	"	650	15,697	51,332	56,3	2.906,9	298,7	7,9
+ Sắt thép	"	35	0,579	12,093	14,3	49,7	535,8	34,6
+ Dầu thô	"	90	-	56,860	-	-	31,3	63,2
+ Nguyên. phụ liệu hàng may mặc	"	80	3,330	13,133	92,1	93,3	133,7	16,4
+ Bông các loại	"	45	6,000	15,599	114,2	2.857,1	179,0	34,7
+ Nguyên liệu, hương liệu, vật liệu sản xuất bia, sữa, bánh kẹo	"	5	0,438	2,271	64,8	60,7	117,9	45,4
+ Hàng hoá khác	"	35	0,521	3,379	77,5	26,4	73,2	9,7
5. Thu - Chi ngân sách								
- Tổng thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	14.913,5	1.219,4	5.309,2			99,1	35,6
- Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	14.655	1.201,7	5.291,4			98,8	36,1
<i>Trong đó:</i> - Thu nội địa	"	13.985	1.111,7	4.944,6			95,7	35,4
+ Trg đó: Thu từ NM lọc dầu	"	8.845	765,0	3.286,6			89,8	37,2
- Thu hoạt động XNK	"	670	90,0	346,8			183,6	51,8
- Tổng chi ngân sách địa phương	"	14.092,2	1.031,0	2.951,2			289,2	20,9